

Số: /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025

Căn cứ Thông báo số 142/TB-ĐHGTVT ngày 28/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2025.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo:

1. Số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 (Danh sách kèm theo):

- Tại Hà Nội: + Thi tuyển: 43 thí sinh;
+ Xét tuyển: 37 thí sinh.
- Phân hiệu tại TP.HCM: + Thi tuyển: 16 thí sinh;
+ Xét tuyển: 07 thí sinh.

2. Nếu thông tin của thí sinh trong danh sách chưa chính xác, thí sinh liên hệ để đính chính:

- Tại Hà Nội: Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, điện thoại **024.37606352**;
- Phân hiệu tại TP.HCM: Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, điện thoại **028.38962819**.

3. Các mốc thời gian cần lưu ý:

- Xét tuyển ngày 02/6/2025, dự kiến công bố kết quả ngày 04/6/2025;
- Thi tuyển ngày 08/6/2025, dự kiến công bố kết quả ngày 20/6/2025./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các thí sinh (để th/h);
- Lưu: HCTH, KT&KĐCLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHGTVT ngày / 5 /2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

T T	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký xét tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội									
1	001202029004	Khuất Quang Cảnh	07/06/2002	Nam	Hà Nội	Công nghệ thông tin	Nghiên cứu	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	001202024351	Bùi Xuân Dương	27/09/2002	Nam	Hà Nội	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
3	019199007879	Nguyễn Dương Bích Quỳnh	17/06/1999	Nữ	Thái Nguyên	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Công nghệ thông tin - Tiếng Anh	Chương trình đào tạo ĐH bằng tiếng Anh
4	024202014472	Nguyễn Hoàng Kiên	27/12/2002	Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật an toàn giao thông	Nghiên cứu	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	030201005455	Nguyễn Văn Tăng	31/03/2001	Nam	Hải Dương	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Kỹ thuật cơ khí động lực	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	034091018553	Đoàn Năng Hùng	28/09/1991	Nam	Thái Bình	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
7	026202001541	Lê Quang Huy	22/06/2002	Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật điện tử	Ứng dụng	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	001202014598	Triệu Anh Dũng	04/03/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Ứng dụng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	024202002479	Nguyễn Tất Đồng	08/11/2002	Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	038202000069	Trần Trung Anh	04/02/2002	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	015202003125	Bùi Gia Huy	02/06/2002	Nam	Yên Bái	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
12	037201001434	Trần Anh Tú	16/06/2001	Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
13	034201000966	Phạm Ngọc Thắng	19/09/2001	Nam	Thái Bình	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Kỹ thuật ô tô	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
14	034202002414	Lưu Thanh Hải	19/05/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật viễn thông	Ứng dụng	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	001202008404	Trần Lê Vinh	11/11/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

T T	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký xét tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
16	024202005242	Trần Trung Kiên	27/12/2002	Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
17	040202014208	Nguyễn Văn Quân	05/10/2002	Nam	Nghệ An	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
18	034202007823	Phạm Thế Anh	13/01/2002	Nam	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
19	001201009315	Nguyễn Tuấn Cường	03/01/2001	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Nghiên cứu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
20	027202009302	Vũ Tử Dương	01/01/2002	Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
21	033302005393	Nguyễn Thị Tuyết Nga	31/08/2002	Nữ	Hung Yên	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
22	038093022818	Lê Bá Sơn	30/10/1993	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
23	025201007340	Triệu Văn Thành	20/03/2001	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
24	014096010241	Trần Mạnh Thắng	10/03/1996	Nam	Sơn La	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	037202000652	Nguyễn Đức Trường	13/09/2002	Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
26	040088026255	Trần Văn Việt	10/05/1988	Nam	Nghệ An	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
27	030202000725	Nguyễn Văn Vinh	11/07/2002	Nam	Hải Dương	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
28	001302012794	Lý Phương Anh	03/05/2002	Nữ	Hà Nội	Quản lý xây dựng	Nghiên cứu	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	035202002937	Phạm Ngọc Tú	20/06/2002	Nam	Hà Nam	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
30	027202005191	Nguyễn Anh Tuấn	24/06/2002	Nam	Bắc Ninh	Quản lý xây dựng	Nghiên cứu	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	036302007172	Dương Thị Tươi	24/11/2002	Nữ	Nam Định	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
32	00120034472	Nguyễn Tiến Thành	22/11/2000	Nam	Hà Nội	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
33	036302005599	Vũ Thị Thanh Thảo	12/04/2002	Nữ	Nam Định	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

T T	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký xét tuyển	Định hướng	Ngành/ Chuyên ngành tốt nghiệp trình độ đại học	Trình độ Ngoại ngữ
34	033200008353	Nguyễn Xuân Trường	18/09/2000	Nam	Hưng Yên	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Quản lý xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
35	038301021343	Vũ Thu Huyền	19/05/2001	Nữ	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
36	037202001869	Trần Trung Hiếu	30/03/2002	Nam	Ninh Bình	Tổ chức và quản lý vận tải	Nghiên cứu	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
37	001302005880	Phạm Vũ Phương Linh	29/04/2002	Nữ	Hà Nội	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Kinh tế vận tải	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM:									
1	077202001001	Nguyễn Hà Trí Anh	11/04/2002	Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	079202004636	Cao Quốc Bình	30/08/2002	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	074202000622	Nguyễn Quốc Đạt	23/10/2002	Nam	Bình Dương	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	079202001090	Vũ Quang Hiếu	03/03/2002	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	036082017944	Nguyễn Hữu Quân	08/07/1982	Nam	Nam Định	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Xây dựng cầu đường	Toeic (Listening: 460, Reading: 445, Speaking:130, Writing: 170)
6	060302009872	Nguyễn Thị Nguyệt Hân	05/12/2002	Nữ	Bình Thuận	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
7	060302005553	Huỳnh Thị Thủy Tuyên	15/11/2002	Nữ	Bình Thuận	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Kinh tế xây dựng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHGTVT ngày / 5 /2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký dự thi	Định hướng	Ngoại ngữ
I. Tại Hà Nội:								
1	025097000503	Nguyễn Văn Cường	25/10/1997	Nam	Phú Thọ	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
2	038202013551	Nguyễn Duy Mạnh	04/08/2002	Nam	Thanh Hóa	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	038202020404	Nguyễn Văn Quang	20/08/2002	Nam	Nghệ An	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	001095039373	Bùi Xuân Toàn	26/12/1995	Nam	Hà Nội	Công nghệ thông tin	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	001202019916	Đào Minh Mạnh	11/04/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật an toàn giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
6	036099001081	Đinh Văn Hiệu	08/05/1999	Nam	Nam Định	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
7	001200039694	Đỗ Minh Long	23/10/2000	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật cơ khí động lực	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
8	036093020957	Tạ Xuân Hậu	28/01/1993	Nam	Nam Định	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	030202002482	Hoàng Lê Nghĩa	07/05/2002	Nam	Hải Dương	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	027201010832	Nguyễn Việt Bách	26/03/2001	Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	036202002102	Vũ Đức Cường	05/09/2002	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
12	031095013884	Trần Hà Đăng	25/10/1995	Nam	Hải Phòng	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
13	035200001682	Lê Ngọc Thanh Long	08/01/2000	Nam	Hà Nam	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
14	025201010523	Nguyễn Thái Phúc	18/11/2001	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật ô tô	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	038202019050	Mai Văn Vinh	25/07/2002	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật ô tô	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	027202003380	Tổng Ngọc Đức	30/06/2002	Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
17	048096007017	Đặng Bùi Đức Lộc	25/11/1996	Nam	Đà Nẵng	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	TN ĐH tại Hungary
18	025202007759	Quản Gia Minh	17/08/2002	Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
19	030200015918	Nguyễn Tuấn Anh	22/08/2000	Nam	Hải Dương	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
20	034072008761	Đặng Xuân Cung	02/02/1972	Nam	Thái Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
21	030202000338	Lê Hải Dương	03/02/2002	Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
22	014099000138	Lã Tiến Đạt	27/01/1999	Nam	Sơn La	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký dự thi	Định hướng	Ngoại ngữ
23	037202000037	Tổng Sơn Hùng	16/03/2002	Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
24	024200014138	Nguyễn Vũ Hùng	14/04/2000	Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
25	022097011987	Hoàng Mạnh Minh	30/12/1997	Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
26	001079002182	Lê Văn Minh	25/10/1979	Nam	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
27	038202007491	Bùi Lê Nam Vinh	16/07/2002	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
28	027201006712	Nguyễn Việt Hoàng An	27/08/2001	Nam	Bắc Ninh	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
29	033201000561	Vũ Ngọc Anh	04/12/2001	Nam	Hung Yên	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
30	27201001389	Nguyễn Ngọc Anh	25/02/2001	Nam	Bắc Ninh	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
31	024094008569	Vy Tuấn Dương	17/05/1994	Nam	Bắc Giang	Quản lý xây dựng	Nghiên cứu	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
32	001301007258	Nguyễn Thùy Dương	31/07/2001	Nữ	Hà Nội	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
33	014202007852	Đỗ Đức Hoàng	07/03/2002	Nam	Sơn La	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
34	025202003553	Trương Việt Hoàng	02/03/2002	Nam	Phú Thọ	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
35	022202000182	Đặng Vũ Hoàng	29/05/2002	Nam	Quảng Ninh	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
36	038200000652	Nguyễn Quốc Long	15/08/2000	Nam	Thanh Hóa	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
37	030201000006	Đặng Hiếu Nam	29/01/2001	Nam	Hà Nội	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
38	034099006166	Đặng Phương Nam	05/09/1999	Nam	Thái Bình	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
39	001302005740	Phạm Cẩm Nhung	22/10/2002	Nữ	Hà Nội	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
40	038201019956	Lường Hữu Phước	14/12/2001	Nam	Thanh Hóa	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
41	001200044362	Trần Minh Hiếu	11/06/2000	Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
42	033300005642	Nguyễn Thị Thùy Dung	01/01/2000	Nữ	Hung Yên	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 4 (B2)
43	0325486099	Vũ Anh Sơn	04/05/2002	Nam	Hà Nội	Tổ chức và quản lý vận tải	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
II. Phân hiệu tại TP.HCM								
1	051201004277	Đỗ Tấn Cẩm	18/07/2001	Nam	Quảng Ngãi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

TT	Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành/ Chương trình đăng ký dự thi	Định hướng	Ngoại ngữ
2	068202007026	Nguyễn Tiến Huy	30/08/2002	Nam	Lâm Đồng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
3	038202000533	Nguyễn Mạnh Kiên	06/05/2002	Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
4	079201015653	Nguyễn Thành Văn	28/02/2001	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
5	034202003627	Phạm Tiến Anh	07/01/2002	Nam	Thái Bình	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh (CEFR B1+)
6	046098005599	Lê Huỳnh Đức	01/02/1998	Nam	Thừa Thiên Huế	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh (CEFR B1)
7	079200017087	Dương Võ Việt Hưng	08/08/2000	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
8	044096003402	Võ Thiếu lâm	09/08/1996	Nam	Quảng Bình	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
9	095301007396	Nguyễn Thị Hồng Nhi	10/12/2001	Nữ	Bạc Liêu	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
10	079301005032	Trịnh Khả Nhi	06/10/2001	Nữ	Tp.Hồ Chí Minh	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
11	086098000131	Nguyễn Tri Phương	22/08/1998	Nam	Vĩnh Long	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Bằng ĐH Ngôn Ngữ Anh
12	080201011738	Nguyễn Nhật Quang	09/08/2001	Nam	Long An	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
13	052093021022	Võ Quốc Toàn	30/04/1993	Nam	Bình Định	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh (B1)
14	036201004470	Trần Xuân Trường	22/01/2001	Nam	Nam Định	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
15	082301002368	Võ Nguyễn Khả Uyên	12/12/2001	Nữ	Tiền Giang	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)
16	060302003948	Nguyễn Trần Hiền Vy	24/05/2002	Nữ	Bình Thuận	Quản lý xây dựng	Ứng dụng	Tiếng Anh bậc 3 (B1)

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hoài Đức